

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/HNGĐ-ST
Ngày 29/11/2019
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YK- TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Thu.
2. Ông An Văn Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hải Hà, Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 29/11/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 119/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/8/2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/10/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 09/2019/QĐST-HNGĐ ngày 08/11/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị H sinh năm 1986; địa chỉ xóm V, thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh V sinh năm 1985; địa chỉ xóm V, thôn B, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 15/8/2019 được bổ sung tại bản tự khai ngày 29/8/2019 và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị H trình bày: Chị H tự nguyện kết hôn với anh V, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 06/8/2009. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V không quan tâm đến vợ con và có quan hệ tình cảm như vợ chồng với người khác, chị H có khuyên can nhưng anh V không nghe mà còn đánh chửi chị H, mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng; chị H đã ba lần khởi kiện ra Tòa án để xin ly hôn với anh V, hai lần trước anh V hứa sửa chữa nên chị H đã rút đơn khởi kiện, nhưng đến nay anh V vẫn không sửa chữa được, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin được ly hôn với anh V. Về con, vợ chồng có

01 con chung là cháu L sinh ngày 20/10/2010; chị H đề nghị giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu L trưởng thành, chị H không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H, chị H cam đoan đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của cháu L. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Tại bản tự khai ngày 15/10/2019 bị đơn là anh V trình bày: Anh V tự nguyện kết hôn với chị H, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã K vào ngày 06/8/2009. Từ năm 2017 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai vợ chồng đều không chung thủy với nhau; nay tình cảm vợ chồng của anh V với chị H vẫn còn, nên anh V không đồng ý ly hôn với chị H. Về con, vợ chồng có 01 con chung là cháu L sinh ngày 20/10/2010; anh V đề nghị giao cháu L cho anh V nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành; anh V không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung cho anh V, anh V cam đoan đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của cháu L. Về tài sản, vợ chồng không có tài sản chung, vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YK tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Bị đơn trong vụ án chưa chấp hành và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật. Từ những căn cứ nêu trên đề nghị Hội đồng xét xử; căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử.

- Về ly hôn, cho chị H ly hôn với anh V.
- Về con, giao cháu L cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.
- Về án phí, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Chị H khởi kiện “Xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với anh V, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, việc khởi kiện của chị H là đúng pháp luật.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo bản sao sổ hộ khẩu gia đình và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện anh V có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a

khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện YK thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Về việc vắng mặt bị đơn: Tại phiên tòa bị đơn là anh V vắng mặt, mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 2, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh V.

[2] Về ly hôn:

Theo lời khai của chị H, anh V và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện, chị H và anh V tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký và được Ủy ban nhân dân xã K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 28/02/2009. Như vậy, theo quy định tại các Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, thì hôn nhân giữa chị H và anh V là hợp pháp.

Lý do ly hôn, theo lời khai của chị H, từ năm 2010 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh V chơi bời và ít quan tâm đến gia đình, chị H khuyên ngăn nhưng anh V không nghe mà còn đánh chị H, từ tháng 8/2018 cho đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa và lần này là lần thứ ba chị H khởi kiện xin ly hôn anh V tại Tòa án. Anh V thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân là do cả hai vợ chồng đều không chung thủy với nhau.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh V đã kéo dài và đến mức trầm trọng, anh V không đồng ý ly hôn với chị H, nhưng anh V không có biện pháp để khắc phục mâu thuẫn, nên đời sống chung giữa chị H và anh V không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị H, cho chị H và anh V ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Theo lời khai của chị H và anh V, bản sao giấy khai sinh, thì vợ chồng chị H và anh V có 01 con chung là cháu L sinh ngày 20/10/2010. Cả chị H và anh V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, nguyện vọng của cháu L là được ở với cả bố và mẹ. Xét cháu L là con gái, tuổi còn nhỏ, chị H lại là giáo viên; nên việc giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp, theo biên bản xác minh của Tòa án ngày 07/10/2018 quan điểm của Hội phụ nữ xã K là nên giao cháu L cho chị H nuôi dưỡng. Do vậy, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu L cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành; do chị H không yêu cầu anh V phải dưỡng nuôi con và chị H cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống của cháu L, nên Tòa án không buộc anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H.

[4] Về tài sản: Chị H và anh V đều khai vợ chồng không có tài sản, nên Tòa án không xem xét giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về ly hôn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thu H, cho chị H và anh V ly hôn; quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh V chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2.2. Về nuôi con: Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thu H, giao cháu L sinh ngày 20/10/2010 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L trưởng thành; anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho H.

Anh V có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L được sống chung với chị H và anh V có quyền được thăm nom, chăm sóc cháu L; chị H không được cản trở anh V trong việc thăm nom, chăm sóc cháu L.

2.5. Về án phí: Buộc chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0002089 ngày 21/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, chị H đã nộp đủ án phí ly hôn.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện K
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực